

**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI KÌ II-KHỐI 10
NĂM HỌC 2021-2022**

Chương VIII: ĐỊA LÍ CÔNG NGHIỆP

Bài 31: VAI TRÒ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG NGHIỆP. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ CÔNG NGHIỆP

I. Các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố công nghiệp

- 1. Vị trí địa lý:** Có tác động rất lớn đến việc lựa chọn địa điểm xây dựng các nhà máy, các khu công nghiệp, khu chế xuất.
- 2. Nhân tố tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên** (khoáng sản, khí hậu- nước, đất, rừng, biển). Đây là nhân tố quan trọng của các ngành công nghiệp.
- 3. Nhân tố kinh tế - xã hội**
 - *Dân cư, lao động:* số lượng và chất lượng lao động có ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố các ngành công nghiệp.
 - *Tiến bộ khoa học kỹ thuật:* làm cho việc khai thác, sử dụng tài nguyên hiệu quả và phân bố hợp lý các ngành công nghiệp, làm thay đổi quy luật phân bố xí nghiệp công nghiệp.
 - *Thị trường:* có tác động mạnh tới việc lựa chọn vị trí xây dựng các xí nghiệp, hướng chuyên môn hóa.



BÀI 32: ĐỊA LÍ CÁC NGÀNH CÔNG NGHIỆP

I. Công nghiệp năng lượng.

1. Vai trò

- Là một trong những ngành kinh tế quan trọng và cơ bản của một quốc gia.
- Là cơ sở để phát triển nền sản xuất hiện đại
- Là tiền đề của tiến bộ khoa học – kỹ thuật.

2. Cơ cấu

Công nghiệp khai thác than, khai thác dầu, công nghiệp điện lực.

➤ **Khai thác than:**

❖ *Vai trò:*

- Nhiên liệu cho các nhà máy nhiệt điện, luyện kim (than được cốc hóa).
- Nguyên liệu quý cho công nghiệp hóa học, dược phẩm.

❖ *Trữ lượng – sản lượng khai thác:*

- Khoảng 13000 tỉ tấn, trong đó $\frac{3}{4}$ là than đá.
- Sản lượng than khai thác khoảng 5 tỉ tấn/năm.

❖ *Phân bố:* Tập trung chủ yếu ở bán cầu Bắc: Hoa Kỳ, LB Nga, Trung Quốc, CHLB Đức,...

➤ **Khai thác dầu:**

❖ *Vai trò:*

- Nhiên liệu quan trọng, “vàng đen” của nhiều quốc gia.
- Từ dầu mỏ, sản xuất ra nhiều loại hóa phẩm, dược phẩm..

❖ *Trữ lượng – sản lượng khai thác:*

- Trữ lượng ước tính 400 -500 tỉ tấn, trữ lượng chắc chắn 140 tỉ tấn.
- Sản lượng khai thác khoảng 3,8 tỉ tấn/năm.

❖ *Phân bố*

- Tập trung chủ yếu ở các nước đang phát triển thuộc khu vực Trung Đông, Bắc Phi, LB Nga, Mỹ la – tinh, Trung Quốc...



BÀI 33: MỘT SỐ HÌNH THỨC CHỦ YẾU CỦA TỔ CHỨC LÃNH THỔ CÔNG NGHIỆP

I. Một số hình thức của tổ chức lãnh thổ công nghiệp

1. Khu công nghiệp tập trung

- Được hình thành và phát triển trong thời kì công nghiệp hóa
 - Đặc điểm:
 - + Không có dân cư sinh sống, có ranh giới rõ ràng, có vị trí thuận lợi
 - + Tập trung tương đối nhiều các xí nghiệp với khả năng hợp tác sản xuất cao
 - + Sản xuất các sản phẩm vừa phục vụ trong nước, vừa xuất khẩu.
 - + Có các xí nghiệp dịch vụ hỗ trợ
- Ví dụ TP. HCM: khu công nghiệp Tân Bình, khu công nghiệp Tân Tạo,...

2. Trung tâm công nghiệp

- Khái niệm: hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp ở trình độ cao
 - Đặc điểm:
 - + Gần với đô thị vừa và lớn, có vị trí thuận lợi.
 - + Gồm nhiều khu công nghiệp, điểm công nghiệp và nhiều xí nghiệp công nghiệp có mối liên hệ chặt chẽ về sản xuất, kĩ thuật, công nghệ.
 - + Có các xí nghiệp hạt nhân.
 - + Có các xí nghiệp bổ trợ, phục vụ.
- Ví dụ: TTCN TPHCM, TTCN Hà Nội, TTCN Biên Hòa,...



CHƯƠNG IX: ĐỊA LÍ DỊCH VỤ

BÀI 35: VAI TRÒ, CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG VÀ ĐẶC ĐIỂM PHÂN BỐ CÁC NGÀNH DỊCH VỤ

I. Cơ cấu, vai trò của các ngành dịch vụ

1. Cơ cấu: Cơ cấu ngành hết sức phức tạp, chia thành 3 nhóm:

- Dịch vụ kinh doanh (sản xuất): giao thông vận tải, thông tin liên lạc, tài chính, tín dụng, kinh doanh bất động sản, tư vấn, các dịch vụ nghề nghiệp,...
- Dịch vụ tiêu dùng: thương mại, sửa chữa, khách sạn, du lịch, dịch vụ cá nhân (y tế, giáo dục, thể thao).
- Dịch vụ công: khoa học công nghệ, quản lí nhà nước, hoạt động đoàn thể (bảo hiểm bắt buộc).

2. Vai trò

- Thúc đẩy các ngành sản xuất vật chất phát triển.
- Sử dụng tốt nguồn lao động, tạo việc làm cho người dân.
- Khai thác tốt hơn các tài nguyên thiên nhiên, di sản văn hóa, lịch sử.
- Sử dụng tốt các thành tựu của khoa học kĩ thuật hiện đại phục vụ con người.
- Số người hoạt động trong ngành dịch vụ ngày càng tăng lên.

II. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố các ngành dịch vụ

Trình độ phát triển kinh tế và năng suất lao động xã hội: đầu tư, bổ sung lao động dịch vụ.

- Quy mô, cơ cấu dân số: nhịp độ phát triển và cơ cấu ngành dịch vụ.
- Phân bố dân cư và mạng lưới quần cư: mạng lưới ngành dịch vụ.
- Truyền thống văn hóa, phong tục tập quán: hình thức tổ chức mạng lưới ngành dịch vụ.
- Mức sống và thu nhập thực tế: sức mua và nhu cầu dịch vụ.
- Tài nguyên thiên nhiên, di sản văn hóa lịch sử, cơ sở hạ tầng du lịch: Sự phát triển và phân bố ngành dịch vụ du lịch



BÀI 36: VAI TRÒ, ĐẶC ĐIỂM VÀ CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI

I. Vai trò và đặc điểm ngành giao thông vận tải

1. Vai trò

- Tham gia vào việc cung ứng vật tư kĩ thuật, nguyên liệu, nhiên liệu cho các cơ sở sản xuất và đưa sản phẩm đến thị trường tiêu thụ.
- Phục vụ nhu cầu đi lại của nhân dân, giúp cho các hoạt động sinh hoạt được thuận tiện.
- Giúp cho việc thực hiện mối liên hệ kinh tế, xã hội giữa các địa phương.
- Góp phần thúc đẩy hoạt động kinh tế, văn hóa ở những vùng sâu, vùng xa.
- Tăng cường sức mạnh quốc phòng.
- Tạo nên mối giao lưu kinh tế giữa các nước trên thế giới.

2. Đặc điểm

- Sản phẩm: là sự chuyên chở người và hàng hóa.
- Các tiêu chí đánh giá:
 - + Khối lượng vận chuyển (số hành khách, số tấn hàng hoá).
 - + Khối lượng luân chuyển (người/km; tấn/km).
 - + Cự li vận chuyển trung bình (km).
- Tiêu chí đánh giá chất lượng: sự tiện nghi, sự an toàn và tốc độ

II. Các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố ngành giao thông vận tải

1. Điều kiện tự nhiên:

- **Vị trí địa lý:** Quy định sự có mặt và vai trò của một số loại hình giao thông vận tải.
- **Địa hình và sông ngòi:** Ảnh hưởng lớn đến công tác thiết kế và khai thác các công trình giao thông vận tải.
- **Khí hậu, thời tiết** ảnh hưởng sâu sắc tới hoạt động của các phương tiện vận tải.

2. Các điều kiện kinh tế - xã hội:

- Sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế quốc dân có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển và phân bố, cũng như sự hoạt động của giao thông vận tải:
 - Các ngành kinh tế là ngành giao thông vận tải.
 - Các ngành kinh tế trang bị cơ sở vật chất kĩ thuật cho ngành giao thông vận tải.
- Phân bố dân cư, đặc biệt là sự phân bố các thành phố lớn và các chùm đô thị có ảnh hưởng sâu sắc tới vận tải hành khách, nhất là vận tải ô tô.



BÀI 37: ĐỊA LÝ CÁC NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI

Ngành GTVT	Ưu điểm	Nhược điểm	Phân bố
II. Đường biển	- Chủ yếu vận tải trên các tuyến đường quốc tế. - Khối lượng luân chuyển hàng hóa rất lớn(3/5TG) - Giá khá rẻ.	Khoảng $\frac{1}{2}$ khối lượng hàng là dầu thô và sản phẩm dầu thô nên gây ô nhiễm môi trường biển, đại dương.	- 2/3 số hải cảng nằm hai bờ đối diện Đại Tây Dương. - Nối liền 2 trung tâm kinh tế Bắc Mỹ và Tây Âu. - Hoạt động hàng hóa ở Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương ngày càng sầm uất.
III. Đường hàng không	- Tốc độ nhanh. - Đảm bảo các mối giao lưu quốc tế.	- Cước phí cao. - Trọng tải thấp. - Ô nhiễm bầu khí quyển, thủng tầng ô zôn.	1. Các cường quốc hàng không trên thế giới: Anh, Pháp, Đức, Nga... 2. Các tuyến hàng không sầm uất nhất: - Các tuyến xuyên Đại Tây Dương.

	- Sử dụng có hiệu quả thành tựu mới nhất của khoa học – kỹ thuật. - Thực hiện cả trong điều kiện thời tiết xấu, phức tạp.		- Các tuyến nối Hoa Kỳ với khu vực châu Á – Thái Bình Dương.
--	--	--	--



BÀI 40: ĐỊA LÝ NGÀNH THƯƠNG MẠI

I. Ngành thương mại

1. Vai trò

- Khâu nối giữa sản xuất và tiêu dùng thông qua luân chuyển hàng hóa, dịch vụ giữa người bán và mua.
- Điều tiết sản xuất và hướng dẫn tiêu dùng.
- Cơ cấu: chia 2 nhóm ngành lớn: nội thương và ngoại thương.

a. Nội thương: là ngành làm nhiệm vụ trao đổi hàng hoá, dịch vụ trong 1 quốc gia.

- Góp phần chuyên môn hóa sản xuất và phân công lao động theo vùng và lãnh thổ.
- Phục vụ nhu cầu tiêu dùng của từng cá nhân trong xã hội.

b. Ngoại thương: là ngành làm nhiệm vụ trao đổi hàng hóa, dịch vụ giữa các quốc gia.

- Góp phần tăng nguồn thu ngoại tệ cho đất nước.
- Gắn liền thị trường trong nước với thị trường thế giới.
- Giúp nền kinh tế trong nước tìm được động lực để phát triển.

2. Cán cân xuất nhập khẩu và cơ cấu xuất nhập khẩu

a. Cán cân xuất nhập khẩu

- Khái niệm: là hiệu số giữa giá trị hàng xuất khẩu với giá trị hàng nhập khẩu
- Xuất siêu: khi giá trị hàng xuất khẩu lớn hơn giá trị hàng nhập khẩu.
- Nhập siêu: khi giá trị hàng xuất khẩu nhỏ hơn giá trị hàng nhập khẩu.

b. Cơ cấu hàng xuất – nhập khẩu

- Các nước đang phát triển:

Xuất: nông sản, khoáng sản, hàng tiêu dùng.

Nhập: nguyên liệu, máy móc.

- Các nước phát triển:

Xuất: nguyên liệu, máy móc.

Nhập: nông sản, khoáng sản, hàng tiêu dùng.

*KỸ NĂNG

- Tính giá trị xuất khẩu bình quân đầu người
- Tính cán cân xuất nhập khẩu
- Đọc lược đồ
- Vẽ biểu đồ cột.

HẾT